TỔNG CỤC THUẾ **CỤC THUẾ TP HÀ NỘI** -------- Số: 7850/CT-TNCN *V/v hướng dẫn QTT TNCN năm 2014 và cấp MST cho NPT*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------- *Hà Nội, ngày 02 tháng 03 năm 2015*

Kính gửi: - Các phòng thuộc Cục Thuế;
- Các Chi cục Thuế quận, huyện, thị xã.

Việc quyết toán thuế Thu nhập cá nhân (QTT TNCN) năm 2014 và cấp mã số thuế (MST) cho người phụ thuộc (NPT) thực hiện theo các văn bản dưới đây:

- Luật Thuế thu nhập cá nhân; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân; Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013, Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01/10/2014 của Chính phủ; Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014, Thông tư số 128/TT-BTC ngày 05/9/2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính và các văn bản hướng dẫn;

- Luật Quản lý thuế, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế số; Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ; Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013, Thông tư số 80/2012/TT-BTC ngày 22/5/2012 của Bộ Tài chính và các văn bản hướng dẫn;

- Quy trình hoàn thuế ban hành kèm theo Quyết định số 905/QĐ-TCT ngày 01/7/2011 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế và công văn số 3228/TCT-KK ngày 12/8/2014 về việc sửa đổi, bổ sung một số điểm tại quy trình hoàn thuế;

- Quy trình quản lý đăng ký thuế ban hành kèm theo Quyết định số 329/QĐ-TCT ngày 27/3/2014 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế.

Để đảm bảo thực hiện thống nhất theo quy định của pháp luật, Cục Thuế lưu ý một số nội dung mới, nội dung cần lưu ý trong QTT TNCN và cấp MST NPT; phân công các Phòng/Đội (thuộc Chi Cục Thuế) tổ chức thực hiện QTT TNCN năm 2014, cấp MST NPT theo chức năng, nhiệm vụ của các Phòng/Đội và yêu cầu của công tác quyết toán thuế (QTT) như sau:

PHẦN I: CHÍNH SÁCH, THỦ TỤC THUẾ VÀ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN:

I. ĐỐI TƯỢNG QUYẾT TOÁN THUẾ TNCN

1. Đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập

1.1. Tổ chức, cá nhân trả thu nhập thuộc diện chịu thuế thu nhập cá nhân (TNCN) không phân biệt có phát sinh khấu trừ thuế hay không phát sinh khấu trừ thuế có trách nhiệm khai QTT và QTT thay cho cá nhân có uỷ quyền. Trường hợp tổ chức, cá nhân không phát sinh trả thu nhập trong năm 2014 thì không phải khai QTT TNCN.

1.2. Tổ chức trả thu nhập chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi, giải thể hoặc phá sản theo quy định của Luật Doanh nghiệp thì phải QTT đối với số thuế TNCN đã khấu trừ chậm nhất là ngày thứ 45 kể từ ngày có quyết định về việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi, giải thể, hoặc phá sản và cấp chứng từ khấu trừ thuế cho người lao động để làm cơ sở cho người lao động thực hiện QTT TNCN. Riêng tổ chức, cá nhân trả thu nhập giải thể, chấm dứt hoạt động có phát sinh trả thu nhập nhưng không phát sinh khấu trừ thuế thì tổ chức, cá nhân trả thu nhập **không thực hiện QTT TNCN, chỉ cung cấp cho cơ quan thuế (CQT) danh sách cá nhân đã chi trả thu nhập trong năm (nếu có) theo Mẫu 25/DS-TNCN** ban hành kèm theo

Thông tư số 151/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính chậm nhất là ngày thứ 45 kể từ ngày có quyết định về việc giải thể, chấm dứt hoạt động.

Trường hợp sau khi tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi), người lao động được điều chuyển từ tổ chức cũ đến tổ chức mới (tổ chức được hình thành sau khi tổ chức lại doanh nghiệp), cuối năm người lao động có ủy quyền quyết toán thuế thì tổ chức mới phải thu lại chứng từ khấu trừ thuế TNCN do tổ chức cũ đã cấp cho người lao động để làm căn cứ tổng hợp thu nhập, số thuế đã khấu trừ và QTT thay cho người lao động.

2. Đối với cá nhân trực tiếp quyết toán thuế

2.1.Cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công; thu nhập từ kinh doanh có trách nhiệm khai QTT nếu có số thuế phải nộp thêm hoặc có số thuế nộp thừa đề nghị hoàn hoặc bù trừ thuế vào kỳ khai thuế tiếp theo hoặc cá nhân cư trú là người nước ngoài kết thúc Hợp đồng làm việc tại Việt Nam khai quyết toán thuế với cơ quan thuế trước khi xuất cảnh trừ các trường hợp sau:

- Cá nhân có số thuế phải nộp nhỏ hơn số thuế đã tạm nộp mà không có yêu cầu hoàn thuế hoặc bù trừ thuế vào kỳ sau.

- Cá nhân, hộ kinh doanh có thu nhập từ kinh doanh đã thực hiện nộp thuế theo phương pháp khoán.

- Cá nhân, hộ gia đình chỉ có thu nhập từ việc cho thuê nhà, cho thuê quyền sử dụng đất đã thực hiện nộp thuế theo kê khai tại nơi có nhà, quyền sử dụng đất cho thuê.

- Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công ký hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên tại một đơn vị mà có thêm thu nhập vãng lai ở các nơi khác bình quân tháng trong năm không quá 10 triệu đồng đã được đơn vị trả thu nhập khấu trừ thuế tại nguồn theo tỷ lệ 10% nếu không có yêu cầu thì không QTT đối với phần thu nhập này.

- Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công ký hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên tại một đơn vị mà có thêm thu nhập từ cho thuê nhà, cho thuê quyền sử dụng đất có doanh thu bình quân tháng trong năm không quá 20 triệu đồng đã nộp thuế tại nơi có nhà cho thuê, có quyền sử dụng đất cho thuê nếu không có yêu cầu thì không QTT đối với phần thu nhập này.

- Cá nhân là đại lý bảo hiểm, đại lý xổ số, bán hàng đa cấp đã được tổ chức trả thu nhập khấu trừ thuế thu nhập cá nhân thì không QTT đối với phần thu nhập này.

2.2. Cá nhân cư trú có thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán, cuối năm nếu có yêu cầu áp dụng thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế thì thực hiện khai QTT trực tiếp với cơ quan thuế. Trường hợp cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đã nộp thuế theo thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần mà không có yêu cầu xác định lại số thuế TNCN theo thuế suất 20% thì không phải QTT.

3. Về việc ủy quyền quyết toán thuế

3.1. Trường hợp ủy quyền quyết toán thuế

a) Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công ủy quyền cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập QTT đối với phần thu nhập do tổ chức, cá nhân trả trong các trường hợp sau:

- Cá nhân chỉ có thu nhập từ tiền lương, tiền công ký hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên tại một tổ chức, cá nhân trả thu nhập và thực tế đang làm việc tại đó vào thời điểm uỷ quyền QTT, kể cả trường hợp không làm việc đủ 12 tháng trong năm.

Trường hợp tổ chức, cá nhân trả thu nhập thực hiện việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi) và người lao động được điều chuyển từ tổ chức cũ đến tổ chức mới (tổ chức được hình thành sau khi tổ chức lại doanh nghiệp), nếu trong năm người lao động đó không có thêm thu nhập từ tiền lương, tiền công, thu nhập từ kinh doanh tại một nơi nào khác thì cũng được uỷ quyền QTT cho tổ chức mới.

- Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công ký hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên tại một đơn vị, đồng thời có thu nhập vãng lai ở các nơi khác bình quân tháng trong năm không quá 10 triệu đồng đã được đơn vị trả thu nhập khấu trừ thuế theo tỷ lệ 10% nếu cá nhân không có yêu cầu QTT đối với thu nhập vãng lai thì được ủy quyền QTT tại tổ chức trả thu nhập ký hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên. Nếu cá nhân có yêu cầu QTT đối với thu nhập vãng lai thì cá nhân trực tiếp QTT với CQT.

Ví dụ 1: Năm 2014, Ông E có thu nhập từ tiền lương, tiền công theo hợp đồng lao động trên 03 tháng tại Công ty A, đồng thời có thu nhập từ hợp đồng dịch vụ với 02 công ty khác là Công ty B, Công ty C. Tại Công ty B có thu nhập là 24 triệu đồng đã khấu trừ thuế 10%. Tại công ty C có thu nhập là 30 triệu đồng đã khấu trừ thuế 10%. Như vậy thu nhập vãng lai bình quân tháng trong năm 2014 của Ông E nhỏ hơn 10 triệu đồng (24 triệu đồng + 30 triệu đồng) : 12 tháng = 4,5 triệu đồng/tháng), nếu Ông E thuộc diện phải QTT và không có yêu cầu QTT đối với thu nhập vãng lai thì Ông E ủy quyền QTT năm 2014 cho Công ty A. Công ty A chỉ QTT thay Ông E đối với phần thu nhập do Công ty A trả.

- Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công ký hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên tại một đơn vị, đồng thời có thêm thu nhập từ cho thuê nhà, cho thuê quyền sử dụng đất có doanh thu bình quân tháng trong năm không quá 20 triệu đồng đã nộp thuế TNCN tại nơi có nhà, có quyền sử dụng đất cho thuê nếu không có yêu cầu QTT đối với thu nhập từ cho thuê nhà, cho thuê quyền sử dụng đất thì được ủy quyền QTT tại tổ chức trả thu nhập ký hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên. Nếu cá nhân có yêu cầu QTT đối với thu nhập từ cho thuê nhà, cho thuê quyền sử dụng đất thì cá nhân trực tiếp QTT với CQT.

Ví dụ 2: Năm 2014, Ông E có thu nhập từ tiền lương, tiền công theo hợp đồng lao động trên 03 tháng tại Công ty A, đồng thời có thu nhập từ cho thuê nhà với thời hạn cho thuê là 08 tháng, doanh thu cho thuê là 25 triệu đồng/tháng và đã nộp thuế tại nơi cho thuê. Như vậy, doanh thu cho thuê nhà bình quân tháng trong năm 2014 của Ông E nhỏ hơn 20 triệu đồng ((8 tháng x 25 triệu đồng/tháng) : 12 tháng = 16,6 triệu đồng/tháng), nếu ông E thuộc diện phải quyết toán thuế và không có yêu cầu QTT đối với phần thu nhập từ cho thuê nhà thì Ông E uỷ quyền cho công ty A QTT thay. Công ty A chỉ QTT thay cho Ông E đối với phần thu nhập do Công ty A trả.

b) Cá nhân ủy quyền cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập QTT thay theo mẫu số 04-2/TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính, kèm theo bản chụp hóa đơn, chứng từ chứng minh đóng góp từ thiện, nhân đạo, khuyến học (nếu có).

3.2. Trường hợp không ủy quyền quyết toán thuế

- Cá nhân đảm bảo điều kiện được ủy quyền cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập quyết toán thuế theo hướng dẫn tại điểm 3.1 nêu trên nhưng đã được tổ chức, cá nhân trả thu nhập cấp chứng từ khấu trừ thuế TNCN thì không ủy quyền QTT cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập (trừ trường hợp tổ chức, cá nhân trả thu nhập đã thu hồi và hủy chứng từ khấu trừ thuế đã cấp cho cá nhân).

- Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công không đảm bảo điều kiện được ủy quyền cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập QTT theo hướng dẫn tại điểm 3.1 nêu trên, nhưng thuộc diện phải QTT TNCN theo quy định thì trực tiếp QTT với CQT trên toàn bộ thu nhập phát sinh trong năm, cụ thể một số trường hợp không ủy quyền QTT TNCN như sau:

+ Cá nhân chỉ có thu nhập vãng lai đã khấu trừ thuế theo tỷ lệ 10% (kể cả trường hợp có thu nhập vãng lai duy nhất tại một nơi) thì cá nhân không uỷ quyền QTT.

+ Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công ký hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên tại một đơn vị, đồng thời có thu nhập vãng lai chưa khấu trừ thuế (bao gồm trường hợp chưa đến mức khấu trừ và đã đến mức khấu trừ nhưng không khấu trừ) thì cá nhân không ủy quyền QTT.

Ví dụ 3: Năm 2014, Ông E có thu nhập từ tiền lương, tiền công theo hợp đồng lao động trên 03 tháng tại Công ty A, đồng thời có thu nhập từ hợp đồng dịch vụ với 02 công ty khác là Công ty B, Công ty C. Tại Công ty B có thu nhập là 10 triệu đồng đã khấu trừ thuế 10%. Tại Công ty C có thu nhập là 1,5 triệu đồng chưa đến mức khấu trừ thuế. Như vậy, trong năm 2014 Ông có một khoản thu nhập chưa khấu trừ thuế, nếu Ông E thuộc diện QTT thì Ông E không ủy quyền quyết toán tại Công ty A, mà trực tiếp quyết toán với cơ quan thuế.

- Cá nhân vừa có thu nhập từ tiền lương, tiền công ký hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên tại một đơn vị; vừa có thu nhập vãng lai ở các nơi khác bình quân tháng trong năm không quá 10 triệu đồng đã khấu trừ thuế; vừa có thu nhập từ cho thuê nhà, cho thuê quyền sử dụng đất có doanh thu bình quân tháng trong năm không quá 20 triệu đồng đã nộp thuế TNCN tại nơi cho thuê thì không ủy quyền cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập QTT.

Ví dụ 4: Năm 2014, Ông E có thu nhập từ tiền lương, tiền công theo hợp đồng lao động trên 03 tháng tại Công ty A, đồng thời có thu nhập vãng lai và cho thuê nhà. Doanh thu từ cho thuê nhà bình quân tháng trong năm 2014 dưới 20 triệu đồng đã nộp thuế tại nơi cho thuê. Như vậy, nếu Ông E thuộc diện phải QTT thì không ủy quyền QTT cho Công ty A mà trực tiếp QTT với CQT.

3.3. Trường hợp điều chỉnh sau khi đã ủy quyền quyết toán thuế

Cá nhân sau khi đã ủy quyền QTT, tổ chức, cá nhân trả thu nhập đã thực hiện QTT thay cho cá nhân, nếu phát hiện cá nhân thuộc diện trực tiếp QTT với CQT thì tổ chức, cá nhân trả thu nhập không điều chỉnh lại QTT TNCN, chỉ cấp chứng từ khấu trừ thuế cho cá nhân theo số quyết toán và ghi vào góc dưới bên trái của chứng từ khấu trừ thuế nội dung: *"Công ty … đã quyết toán thuế TNCN thay cho Ông/Bà …. (theo ủy quyền) tại dòng (số thứ tự) … của Phụ lục Bảng kê 05-1/BK-TNCN"* để cá nhân trực tiếp QTT với CQT.

II. CĂN CỨ TÍNH THUẾ TNCN

1. Thu nhập chịu thuế

Thu nhập chịu thuế được xác định theo hướng dẫn tại Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013; Thông tư số 119/2014/TT-BTC; Thông tư số 151/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Một số nội dung cần lưu ý: Đối với khoản tiền nhà ở, điện, nước và các dịch vụ kèm theo (nếu có) không bao gồm: khoản lợi ích về nhà ở do người sử dụng lao động xây dựng, cung cấp miễn phí cho người lao động làm việc tại khu công nghiệp; nhà ở do người sử dụng lao động xây dựng tại khu kinh tế, địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn cung cấp miễn phí cho người lao động.

Các khoản phụ cấp, trợ cấp không tính vào thu nhập chịu thuế được tổng hợp tại Danh mục tổng hợp các khoản phụ cấp, trợ cấp do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành làm cơ sở xác định thu nhập chịu thuế TNCN từ tiền lương, tiền công, ban hành tại công văn số 1381/TCT-TNCN ngày 24/4/2014 của Tổng cục Thuế.

Đối với thu nhập không bao gồm thuế TNCN phải quy đổi thành thu nhập có thuế TNCN được thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 4, Điều 7, Thông tư số 111/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Trường hợp người sử dụng lao động áp dụng chính sách tiền thuế giả định, tiền nhà giả định thì thực hiện việc quy đổi cho cả năm 2014 theo hướng dẫn tại công văn số 12495/BTC-TCT ngày 06/9/2014 của Bộ Tài chính.

2. Thu nhập tính thuế bình quân tháng

Khi thực hiện QTT năm thì thu nhập tính thuế bình quân tháng được xác định bằng tổng thu nhập cả năm (12 tháng) trừ (-) tổng các khoản giảm trừ của cả năm sau đó chia cho 12 tháng.

3. Các khoản giảm trừ

Các khoản giảm trừ được trừ vào thu nhập chịu thuế của cá nhân trước khi xác định thu nhập tính thuế từ tiền lương, tiền công, thu nhập từ kinh doanh thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 9 Thông tư số 111/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính. Một số nội dung cần lưu ý:

3.1. Về việc tính giảm trừ gia cảnh cho bản thân

Trường hợp trong kỳ tính thuế cá nhân cư trú chưa tính giảm trừ gia cảnh cho bản thân hoặc tính giảm trừ gia cảnh cho bản thân chưa đủ 12 tháng thì được tính đủ 12 tháng nếu thực hiện quyết toán thuế theo quy định. Riêng đối với cá nhân cư trú là người nước ngoài thì việc tính giảm trừ gia cảnh thực hiện theo hướng dẫn tại tiết c.1.2, điểm c, khoản 1, Điều 9 Thông tư số 111/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Ví dụ 5: Giả sử ông G người Việt Nam từ tháng 01/2014 đến tháng 6/2014 không có thu nhập từ tiền lương, tiền công. Từ tháng 7/2014 đến tháng 12/2014 ông G có thu nhập từ tiền lương, tiền công do ký hợp đồng lao động không kỳ hạn để làm việc tại Công ty Y thì trong năm 2014 ông G được tính giảm trừ gia cảnh cho bản thân từ tháng 7/2014 đến hết tháng 12/2014 (tương ứng với tháng có phát sinh thu nhập). Nếu ông G thực hiện quyết toán (ủy quyền quyết toán hoặc trực tiếp quyết toán với CQT) thì ông G được tính giảm trừ cho bản thân đủ 12 tháng.

3.2. Về việc tính giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc

Việc giảm trừ gia cảnh cho NPT mà người nộp thuế (NNT) có nghĩa vụ nuôi dưỡng được tính kể từ tháng có phát sinh nghĩa vụ nuôi dưỡng theo hướng dẫn tại Thông tư số 111/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính, một số nội dung cần lưu ý:

- NPT đã đăng ký và có đầy đủ hồ sơ chứng minh NPT theo quy định tại điểm g, khoản 1, Điều 9 Thông tư số 111/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính thì **được tính giảm trừ gia cảnh trong năm 2014, kể cả trường hợp NPT chưa được CQT cấp MST**.

- Trường hợp NNT đăng ký giảm trừ NPT sau thời điểm thực tế phát sinh nghĩa vụ nuôi dưỡng nhưng tại Mẫu số 16/ĐK-TNCN khai "thời điểm tính giảm trừ" đúng với thời điểm thực tế phát sinh nghĩa vụ nuôi dưỡng thì khi QTT TNCN được tính lại theo thực tế phát sinh nghĩa vụ nuôi dưỡng mà không phải đăng ký lại.

- Trường hợp NNT đăng ký giảm trừ NPT sau thời điểm thực tế phát sinh nghĩa vụ nuôi dưỡng và tại Mẫu số 16/ĐK-TNCN khai "thời điểm tính giảm trừ" sau thời điểm thực tế phát sinh nghĩa vụ nuôi dưỡng, nếu cá nhân thuộc diện phải QTT thì khi QTT để được tính lại theo thực tế phát sinh, cá nhân đăng ký lại tại Mẫu số 16/ĐK-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính và gửi kèm theo hồ sơ QTT.

Ví dụ 6: Giả sử tháng 3/2014 bà K sinh con, tháng 6/2014 bà K đăng ký giảm trừ gia cảnh choNPT, tại Mẫu 16/ĐK-TNCN bà K khai chỉ tiêu "thời điểm tính giảm trừ" là tháng 3/2014 thì trong năm bà K được tạm tính giảm trừ gia cảnh cho NPT kể từ tháng 6/2014, khi quyết toán bà K được tính giảm trừ gia cảnh cho NPT từ tháng 3/2014 đến hết tháng 12/2014 mà không phải đăng ký lại.

Ví dụ 7: Giả sử tháng 3/2014 bà K sinh con, tháng 6/2014 bà K đăng ký giảm trừ gia cảnh cho NPT, tại Mẫu 16/ĐK-TNCN bà K khai chỉ tiêu "thời điểm tính giảm trừ" là tháng 6/2014 thì trong năm bà K được tạm tính giảm trừ gia cảnh cho NPT kể từ tháng 6/2014, khi quyết toán để được tính lại theo thực tế phát sinh từ tháng 3/2014 thì bà K phải đăng ký lại theo thực tế phát sinh tại Mẫu số 16/ĐK-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính và gửi kèm theo hồ sơ QTT.

- Trường hợp NNT chưa tính giảm trừ gia cảnh cho NPT trong năm tính thuế thì được tính giảm trừ gia cảnh cho NPT kể từ tháng phát sinh nghĩa vụ nuôi dưỡng khi NNT thực hiện QTT và đã khai đầy đủ thông tin NPT vào mẫu phụ lục Bảng kê 05-3/BK-TNCN.

- Trường hợp NNT có phát sinh nghĩa vụ nuôi dưỡng đối với NPT khác hướng dẫn tại tiết d.4, điểm d, khoản 1 Điều 9 Thông tư số 111/2013/TT-BTC (như: anh, chị, em ruột; ông, bà nội ngoại; cô, dì…) thì thời hạn đăng ký giảm trừ gia cảnh chậm nhất là ngày 31/12/2014, nếu đăng ký giảm trừ gia cảnh quá thời hạn nêu trên NNT không được giảm trừ gia cảnh đối với NPT đó cho năm 2014.

3.3. Điều kiện để xác định người khuyết tật, không có khả năng lao động là NPT

Người khuyết tật, không có khả năng lao động theo hướng dẫn tại tiết đ.1.1, điểm đ, khoản 1, Điều 9 Thông tư số 111/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính là những người thuộc diện điều chỉnh của pháp luật về người khuyết tật, người mắc bệnh hiểm nghèo và không có khả năng lao động. Bệnh hiểm nghèo được áp dụng theo Danh mục ban hành kèm theo công văn số 16662/BTC-TCT ngày 02/12/2013 của Bộ Tài chính trong khi chờ hướng dẫn chính thức bằng văn bản của Bộ Y tế.

III. THỦ TỤC, HỒ SƠ QUYẾT TOÁN THUẾ TNCN

1. Hồ sơ khai quyết toán thuế

Hồ sơ khai QTT TNCN năm 2014 thực hiện theo hướng dẫn tại điểm b.2, khoản 1; điểm b.2, khoản 2; điểm b.2, khoản 5 Điều 16 Thông tư số 156/TT-BTC; Thông tư số 119/2014/TT-BTC và Thông tư số 151/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính. Một số nội dung cần lưu ý:

- Trường hợp tổ chức trả thu nhập không cấp chứng từ khấu trừ thuế cho cá nhân do tổ chức trả thu nhập đã chấm dứt hoạt động thì CQT căn cứ cơ sở dữ liệu của ngành thuế để xem xét xử lý hồ sơ QTT cho cá nhân mà không bắt buộc phải có chứng từ khấu trừ thuế.

- Trường hợp NNT bị mất chứng từ khấu trừ thuế (liên giao cho NNT) thì NNT có thể sử dụng bản chụp chứng từ khấu trừ thuế (liên lưu tại tổ chức chi trả thu nhập) để chứng minh số thuế thu nhập đã khấu trừ, đã tạm nộp trong năm khi hoàn thuế, QTT. CQT nhận hồ sơ có trách nhiệm đối chiếu chứng từ khấu trừ thuế NNT cung cấp với các thông tin trên hệ thống dữ liệu ngành thuế và một số tài liệu khác liên quan khi giải quyết hồ sơ hoàn thuế, QTT cho NNT.

- Tổ chức, cá nhân trả thu nhập khai đầy đủ (100%) số lượng NPT đã tính giảm trừ trong năm 2014 vào Phụ lục Bảng kê 05-3/BK-TNCN kèm theo hồ sơ QTT TNCN để làm cơ sở cấp MST cho NPT. **Đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập có số lượng NPT lớn hoặc có yêu cầu được cấp trước MST NPT có thể gửi thông tin về NPT trước khi gửi hồ sơ quyết toán**. Cơ quan thuế có trách nhiệm hỗ trợ để đơn vị có thể gửi trước thông tin về NPT. **Khi gửi hồ sơ QTT năm 2014, tại Phụ lục Bảng kê 05-3/BK-TNCN tổ chức, cá nhân trả thu nhập không phải khai lại thông tin những NPT đã được cấp MST do gửi trước mà chỉ khai thông tin của những NPT còn lại đã tính giảm trừ trong năm 2014 .**

2. Nơi nộp hồ sơ quyết toán thuế

2.1. Đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập

Theo hướng dẫn tại khoản 1 Điều 16 Thông tư số 156/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính thì nơi nộp hồ sơ QTT TNCN đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập nộp cho **CQT quản lý trực tiếp**, cụ thể:

- Tổ chức, cá nhân trả thu nhập là cơ sở sản xuất, kinh doanh nộp hồ sơ khai thuế tại CQT trực tiếp quản lý tổ chức, cá nhân.

- Tổ chức trả thu nhập là cơ quan Trung ương; cơ quan thuộc, trực thuộc Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh; cơ quan cấp tỉnh nộp hồ sơ khai thuế tại Cục Thuế nơi tổ chức đóng trụ sở chính.

- Tổ chức trả thu nhập là cơ quan thuộc, trực thuộc UBND cấp huyện; cơ quan cấp huyện nộp hồ sơ khai thuế tại Chi cục Thuế nơi tổ chức đóng trụ sở chính.

- Tổ chức trả thu nhập là các cơ quan ngoại giao, tổ chức quốc tế, văn phòng đại diện của các tổ chức nước ngoài nộp hồ sơ khai thuế tại Cục Thuế nơi tổ chức đóng trụ sở chính.

2.2. Đối với cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công

Theo hướng dẫn tại điểm c.2.1, khoản 2, Điều 16 Thông tư số 156/2013/TT0BTC; điểm b, khoản 4, Điều 1 Thông tư số 119/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính thì nơi nộp hồ sơ quyết toán của cá nhân cư trú có thu nhập nhập từ tiền lương, tiền công như sau:

- Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công trực tiếp khai thuế trong năm thì nơi nộp hồ sơ quyết toán thuế là Cục Thuế nơi cá nhân nộp hồ sơ khai thuế trong năm.

- Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công từ hai nơi trở lên thuộc diện tự QTT thì nơi nộp hồ sơ QTT thuế như sau:

+ Cá nhân đã tính giảm trừ gia cảnh cho bản thân tại tổ chức, cá nhân trả thu nhập nào thì nộp hồ sơ QTT tại cơ quan thuế trực tiếp quản lý tổ chức, cá nhân trả thu nhập đó. Trường hợp cá nhân có thay đổi nơi làm việc và tại tổ chức, cá nhân trả thu nhập cuối cùng có tính giảm trừ gia cảnh cho bản thân thì nộp hồ sơ QTT tại CQT quản lý tổ chức, cá nhân trả thu nhập cuối cùng. Trường hợp cá nhân có thay đổi nơi làm việc và tại tổ chức, cá nhân trả thu nhập cuối cùng không tính giảm trừ gia cảnh cho bản thân thì nộp hồ sơ QTT tại Chi cục Thuế nơi cá nhân cư trú (nơi đăng ký thường trú hoặc tạm trú).

Ví dụ 8: Trong năm 2014, Ông S có thu nhập từ 02 nơi tại Thành phố Hồ Chí Minh đã giảm trừ gia cảnh cho bản thân tại tổ chức trả thu nhập Thành phố Hồ Chí Minh và thuộc diện phải QTT TNCN năm 2014. Tháng 01/2015, ông S chuyển ra Hà Nội làm việc tại Công ty A do Chi cục Thuế quận Hoàn Kiếm quản lý và cư trú tại Chi cục Thuế quận Tây Hồ. Như vậy, Ông S nộp hồ sơ quyết toán tại:

Chi cục Thuế quận Hoàn Kiếm nếu tại thời điểm quyết toán năm 2014, Ông S đang được tính giảm trừ bản thân tại Công ty A.

Chi cục Thuế quận Tây Hồ nếu tại thời điểm quyết toán năm 2014, Ông S không tính giảm trừ bản thân tại Công ty A**.**

+ Trường hợp cá nhân chưa tính giảm trừ gia cảnh cho bản thân ở bất kỳ tổ chức, cá nhân trả thu nhập nào thì nộp hồ sơ QTT tại Chi cục Thuế nơi cá nhân cư trú (nơi đăng ký thường trú hoặc tạm trú).

- Trường hợp cá nhân **không ký hợp đồng lao động, hoặc ký hợp đồng lao động dưới 03 tháng, hoặc ký hợp đồng cung cấp dịch vụ có thu nhập tại một nơi hoặc nhiều nơi** đã khấu trừ 10% thì QTT tại Chi cục Thuế nơi cá nhân cư trú (nơi đăng ký thường trú hoặc tạm trú).

- Cá nhân trong năm có thu nhập từ tiền lương, tiền công tại **một nơi hoặc nhiều nơi nhưng tại thời điểm quyết toán không làm việc tại tổ chức, cá nhân trả thu nhập nào** thì nơi nộp hồ sơ QTT là Chi cục Thuế nơi cá nhân cư trú (nơi đăng ký thường trú hoặc tạm trú).

2.3. Đối với cá nhân, nhóm cá nhân chỉ có thu nhập từ kinh doanh

Theo hướng dẫn tại điểm c.2.2, khoản 2, Điều 16 Thông tư số 156/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính thì nơi nộp hồ sơ quyết toán của cá nhân cư trú có thu nhập nhập từ kinh doanh như sau:

- Trường hợp cá nhân, nhóm cá nhân kinh doanh tại một nơi thì nộp hồ sơ quyết toán tại Chi cục Thuế trực tiếp quản lý nơi cá nhân, nhóm cá nhân kinh doanh. Trường hợp thay đổi nơi kinh doanh trong năm thì nộp hồ sơ quyết toán tại CQT quản lý nơi kinh doanh cuối cùng.

- Trường hợp cá nhân kinh doanh ở nhiều nơi thì nơi nộp hồ sơ QTT là Chi cục Thuế nơi cấp MST đầu tiên cho cá nhân kinh doanh. Nơi cấp MST đầu tiên là CQT đầu tiên đã cấp MST cho cá nhân.

2.4. Đối với Cá nhân vừa có thu nhập từ kinh doanh vừa có thu nhập từ tiền lương, tiền công

Theo hướng dẫn tại điểm c.2.3, khoản 2, Điều 16 Thông tư số 156/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính thì nơi nộp hồ sơ quyết toán của cá nhân cư trú vừa có thu nhập từ kinh doanh, vừa có thu nhập từ tiền lương, tiền công là Chi cục Thuế nơi cá nhân kinh doanh. Việc xác định nơi quyết toán theo thu nhập từ kinh doanh thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 2.3 nêu trên.

2.5. Đối với Cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán

Theo hướng dẫn tại điểm c.2, khoản 5, Điều 16 Thông tư số 156/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính thì cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán có yêu cầu QTT nộp hồ sơ QTT như sau:

- Cá nhân chỉ chuyển nhượng chứng khoán tại một Công ty chứng khoán nộp hồ sơ QTT tại CQT trực tiếp quản lý Công ty chứng khoán.

- Các trường hợp chuyển nhượng chứng khoán khác, cá nhân nộp hồ sơ QTT tại Chi cục Thuế nơi cá nhân cứ trú (nơi đăng ký thường trú hoặc tạm trú).

2.6. Đối với cá nhân cư trú tại nhiều nơi và thuộc diện QTT tại CQT nơi cá nhân cư trú

Trường hợp cá nhân cư trú tại nhiều nơi và thuộc diện QTT tại CQT nơi cá nhân cư trú thì cá nhân lựa chọn một nơi cư trú để QTT.

3. Thời hạn nộp hồ sơ QTT TNCN

Tổ chức, cá nhân trả thu nhập và cá nhân thuộc diện khai QTT nộp hồ sơ QTT chậm nhất là ngày thứ 90 kể từ ngày kết thúc năm dương lịch.

Tổ chức, cá nhân trả thu nhập giải thể, chấm dứt hoạt động nộp hồ sơ QTT chậm nhất là ngày thứ 45 kể từ ngày có quyết định về việc giải thể, chấm dứt hoạt động. Cá nhân cư trú là người nước ngoài nộp hồ sơ QTT trước khi xuất cảnh.

IV. HOÀN THUẾ

1. Việc hoàn thuế TNCN đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập thực hiện quyết toán thay cho các cá nhân có ủy quyền QTT thực hiện theo quy định tại Điều 28 Thông tư số 111/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính và Điều 53 Thông tư số 156/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính. Theo đó, hồ sơ hoàn thuế của tổ chức, cá nhân trả thu nhập không bao gồm tờ khai QTT TNCN (áp dụng đối với tổ chức, cá nhân đã nộp tờ khai QTT cho CQT).

2. Việc hoàn thuế TNCN đối với cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công trực tiếp QTT với CQT; cá nhân có thu nhập từ kinh doanh; cá nhân chuyển nhượng chứng khoán có yêu cầu QTT thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 28 Thông tư số 111/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính.

3. CQT thực hiện hoàn thuế TNCN theo quy trình hoàn thuế ban hành kèm theo Quyết định số 905/QĐ-TCT ngày 01/7/2011 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế và công văn số 3228/TCT-KK ngày 12/8/2014 về việc sửa đổi, bổ sung một số điểm tại quy trình hoàn thuế 905/QĐ-TCT.

V. ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN (CNTT) CHO QUYẾT TOÁN NĂM 2014

1. Về nâng cấp các ứng dụng CNTT phục vụ QTT TNCN năm 2014

Tổng cục Thuế đã nâng cấp các phần mềm ứng dụng HTKK phiên bản 3.3.0, ứng dụng iHTKK phiên bản 3.1.0 và phần mềm QTT TNCN phiên bản 3.2.0 nhằm hỗ trợ NNT kê khai QTT TNCN theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC và hướng dẫn thu thập thông tin cấp MST NPT theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Tổng cục Thuế thực hiện nâng cấp ứng dụng QLT-TNCN/ TMS để tiếp nhận, xử lý dữ liệu tờ khai QTT TNCN, cấp MST NPT của NNT TNCN gửi đến CQT.

2. Yêu cầu về việc tiếp nhận và xử lý hồ sơ quyết toán thuế năm 2014

- Về việc tiếp nhận, kiểm tra, xác nhận và truyền dữ liệu hồ sơ QTT

CQT tổ chức tiếp nhận, kiểm tra, xác nhận và truyền dữ liệu hồ sơ QTT TNCN về cơ sở dữ liệu QTT TNCN tập trung tại Tổng cục Thuế để ghi nhận, hạch toán đầy đủ tờ khai, phụ lục vào hệ thống QLT-TNCN/TMS. Căn cứ cơ sở dữ liệu tại Hệ thống QLT-TNCN/TMS, CQT thực hiện xử lý, kiểm tra dữ liệu TNCN và cấp MST cho NPT. Cục Thuế gửi tập tài liệu file mềm Quy trình tiếp nhận và xử lý hồ sơ QTT, cấp MST cho NPT.

- Về việc cấp MST cho người phụ thuộc theo hồ sơ quyết toán năm 2014:

+ CQT cấp MST cho những NPT đã có đầy đủ thông tin để cấp MST tại Phụ lục Bảng kê mẫu số 05-3/BK-TNCN kèm theo Hồ sơ QTT TNCN. Đối với những NPT chưa có đầy đủ thông tin để cấp MST, CQT đôn đốc và hướng dẫn NNT bổ sung thông tin.

+ Đối với trường hợp tổ chức, cá nhân trả thu nhập có yêu cầu cấp trước MST cho NPT thì CQT hướng dẫn và hỗ trợ tổ chức, cá nhân trả thu nhập gửi thông tin của NPT cho CQT trước khi gửi hồ sơ QTT TNCN năm 2014 bằng cách **khai vào Mẫu số 16/TH được hỗ trợ trên các ứng dụng HTKK, iHTKK và QTT TNCN đến CQT**. Căn cứ vào thông tin trên Mẫu số 16/TH, CQT thực hiện cấp MST cho NPT của NNT.

+ Việc cấp MST cho NPT thực hiện theo Thông tư số 80/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính; và Quy trình quản lý đăng ký thuế ban hành kèm theo Quyết định số 329/QĐ-TCT ngày 27/3/2014 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế. Tuy nhiên, để đáp ứng việc cấp MST cho NPT đồng loạt theo hồ sơ quyết toán năm 2014, Cục Thuế hướng dẫn thêm một số nội dung và hỗ trợ về CNTT tại Phụ lục I kèm theo công văn này.

- Về các hình thức nộp hồ sơ quyết toán thuế, cấp MST NPT

+ Đối với NNT đã đăng ký và khai thuế điện tử qua mạng (iHTKK) thì không phải nộp hồ sơ giấy do đã sử dụng chữ ký số nên đảm bảo tính pháp lý khi gửi tờ khai.

+ Đối với NNT chưa đăng ký khai thuế điện tử qua mạng thì CQT hướng dẫn NNT gửi bản mềm (file dữ liệu) qua Website: http://tncnonline.com.vn hoặc gửi file dữ liệu USB trực tiếp tại CQT và hồ sơ QTT, hồ sơ cấp MST NPT bản giấy tới CQT. (hồ sơ QTT TNCN, hồ sơ cấp MST NPT gồm file dữ liệu và hồ sơ bản giấy)

Trường hợp NNT chỉ nộp hồ sơ QTT hoặc hồ sơ cấp MST NPT bản giấy đến CQT thì CQT sử dụng các chức năng của hệ thống QLT-TNCN/TMS để nhập trực tiếp và hạch toán dữ liệu quyết toán của NNT.

Phần II: Nội dung công việc, phân công tổ chức thực hiện QTT TNCN, cấp MST NPT (lưu ý cấp MST NPT thực hiện tương tự như QTT TNCN):

I. Tuyên truyền về chính sách, thủ tục quyết toán thuế TNCN năm 2014, cấp MST NPT, thông báo các Ứng dụng hỗ trợ quyết toán thuế TNCN:

Phòng Tuyên truyền hỗ trợ người nộp thuế tuyên truyền những điểm cơ bản về chính sách, thủ tục khai quyết toán thuế TNCN năm 2014, cấp MST NPT, thông báo các Ứng dụng hỗ trợ quyết toán thuế TNCN trên các phương tiện thông tin đại chúng, đăng tải công văn này trên website của Cục Thuế, mục QTT TNCN - hướng dẫn

Phòng/Đội kiểm tra thuế, Đội thuế liên xã phường, Phòng thuế TNCN tuyên truyền, phổ biến NNT thực hiện quyết toán thuế, cấp MST NPT do Phòng/Đội quản lý trực tiếp.

II. Học tập, nghiên cứu về chính sách, nội dung quyết toán thuế, phần mềm hỗ trợ quyết toán thuế:

Các Phòng, các Chi cục Thuế, cán bộ truy cập trang thông tin: www.tct.vn hoặc www.gdt.gov.vn, hoặc hanoi.gdt.gov.vn hoặc tncnonline.com.vn hoặc tập tài liệu Phòng Thuế TNCN gửi theo thư điện tử, nghiên cứu tài liệu hướng dẫn tổ chức, cá nhân chi trả thu nhập, cơ quan thuế QTT, cấp MST NPT; hướng dẫn giải pháp công nghệ thông tin để thực hiện.

III. Ban hành, gửi công văn hướng dẫn NNT thực hiện quyết toán thuế,cấp MST NPT:

Cục Thuế ban hành Công văn hướng dẫn tổ chức trả thu nhập (TCTTN) do Cục Thuế quản lý trực tiếp thực hiện quyết toán thuế TNCN, cấp MST NPT. Các Phòng Kiểm tra thuế, TNCN gửi thư điện tử công văn đến các TCTTN thuộc phòng quản lý trực tiếp, các TCTTN không gửi được công văn bằng thư điện tử, các phòng gửi công văn bản giấy đến các TCTTN thuộc phòng quản lý trực tiếp, báo cáo kết quả về hòm thư Phòng thuế TNCN.

Cục Thuế gửi dự thảo công văn hướng dẫn QTT TNCN, cấp MST NPT mẫu gửi qua thư điện tử, Các Chi cục Thuế điền các thông tin thích hợp vào các phần để trống, ban hành và gửi công văn **bằng thư điện tử** đến các CQCTTN Chi cục Thuế quản lý trực tiếp hoặc gửi công văn bản giấy**.** Lưu ý: các cá nhân kinh doanh nộp thuế theo kê khai giao các Đội thuế được phân công quản lý hướng dẫn.

IV. Hướng dẫn, giải đáp các vướng mắc tại CQT, qua điện thoại, tại trụ sở NNT về QTT, cấp MST NPT, cung cấp ứng dụng QTT TNCN,:

Phòng/Đội Tuyên tuyền hỗ trợ người nộp thuế phân công, bố trí Bộ phận hướng dẫn, giải đáp tại CQT, Bộ phận hướng dẫn, giải đáp qua điện thoại các vướng mắc về QTT TNCN, cấp MST NPT.

Phòng/Đội Tuyên tuyền hỗ trợ người nộp thuế cung cấp phần mềm quyết toán thuế TNCN, cấp MST NPT cho TCTTN khi người nộp thuế có yêu cầu hỗ trợ tại bộ phận một cửa.

Các Phòng/Đội Kiểm tra thuế, Đội thuế liên xã phường, Phòng ThuếTNCN hướng dẫn, giải đáp vướng mắc qua điện thoại đối với NNT quản lý trực tiếp.

Các Phòng Kiểm tra thuế/Đội Kiểm tra thuế, Phòng Thuế TNCN hướng dẫn, hỗ trợ tại trụ sở các TCTTN do Phòng/Đội quản lý trực tiếp, Đội thuế liên xã phường hướng dẫn các cá nhân kinh doanh khi NNT có yêu cầu.

VI. Chuẩn bị cơ sở vật chất cài đặt ứng dụng, cấp user, phân quyền:

+ Phòng/Bộ phận Tin học bố trí số lượng máy tính sử dụng cho Bộ phận một cửa tiếp nhận hồ sơ QTT TNCN, cấp MST NPT thuộc Phòng/Đội Tuyên truyền hỗ trợ người nộp thuế số lượng máy tính phù hợp.

Cài đặt các ứng dụng, phân quyền dữ liệu cho cán bộ sử dụng của:

Máy tính thuộc Bộ phận tiếp nhận hồ sơ quyết toán thuế Phòng/Đội Tuyên truyền hỗ trợ người nộp thuế, Phòng/Đội Kê khai kế toán thuế để xác nhận, copy to file dữ liệu, Phòng thuế TNCN để khai thác, hướng dẫn, tổng hợp, báo cáo.

Máy tính thuộc Các Phòng/Đội Kiểm tra thuế; Bộ phận hướng dẫn, trả lời NNT tại CQT và bộ phận trả lời qua điện thoại Phòng/Đội Tuyên truyền hỗ trợ người nộp thuế, để kiểm tra hồ sơ QTT tại CQT, thông báo lập điều chỉnh hồ sơ QTT nếu có sai sót, đôn đốc nộp hồ sơ QTT, báo cáo kết quả triển khai, hỗ trợ người nộp thuế tải phần mềm hỗ trợ kê khai QTT TNCN, cấp MST NPT.

Phòng/Bộ phận Tin học thực hiện việc cài đặt, tạo tài khoản, phân quyền và hoàn thành trong thời hạn 3 ngày làm việc kể từ ngày ban hành công văn này.

Phòng Tin học hỗ trợ các Chi cục Thuế cài đặt các ứng dụng, phân quyền dữ liệu cho cán bộ sử dụng, đăng ký tài khoản cho cán bộ.

Phòng/Bộ phận tin học Hỗ trợ Phòng/Đội Tuyên truyền hỗ trợ người nộp thuế xử lý máy tính bị lỗi tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ quyết toán thuế, hỗ trợ Bộ phận trả lời người nộp thuế tại CQT và bộ phận trả lời qua điện thoại hướng dẫn NNT về những vướng mắc về phần mềm QTT TNCN, cấp MST NPT.

+ Phòng/Bộ Phận Quản trị Tài vụ bố trí cơ sở vật chất (địa điểm, máy tính, phương tiện làm việc…) tại Bộ phận một cửa tiếp nhận hồ sơ QTT TNCN, cấp MST NPT, Bộ phận hỗ trợ, giải đáp vướng mắc tại cơ quan thuế, Bộ phận trả lời qua điện thoại thuộc Phòng /Đội Tuyên truyền hỗ trợ người nộp thuế theo phương án của Phòng/Đội Tuyên truyền hỗ trợ người nộp thuế trình được Lãnh đạo Cục Thuế, Chi cục Thuế phê duyệt.

VII. Bố trí tiếp nhận, xử lý, nhập hồ sơ QTT TNCN, cấp MST NPT:

Lưu ý: Để số liệu quản lý thuế TNCN, dữ liệu hoàn thuế, cấp MST NPT trên ứng dụng đầy đủ, chính xác Bộ phận tiếp nhận hồ sơ QTT chỉ tiếp nhận những hồ sơ QTT (và hồ sơ hoàn thuế), hồ sơ cấp MST NPT của các TCTTN, cá nhân thuộc Cục Thuế, Chi cục Thuế có trách nhiệm tiếp nhận **theo quy định nơi nộp hồ sơ QTT**, **cấp MST NPT,** hướng dẫn người nộp thuế **tích đúng chỉ tiêu cơ quan thuế quản lý trên tờ khai QTT** để tránh trường hợp không xác nhận được file dữ liệu; xác nhận đầy đủ file dữ liệu QTT, cấp MST NPT sau khi đối chiếu giữa file dữ liệu và hồ sơ QTT, hồ sơ cấp MST NPT bản giấy nếu khớp đúng, tránh bỏ sót không xác nhận file dữ liệu; đối với file dữ liệu bị lỗi: đối chiếu file dữ liệu với hồ sơ QTT, hồ sơ cấp MST NPT bản giấy có sai sót cán bộ thuế thực hiện từ chối file dữ liệu. Đối với hồ sơ hoàn thuế TNCN của cá nhân, do hồ sơ hoàn thuế cũng chính là hồ sơ QTT NNT chỉ điền số thuế đề nghị hoàn vào chỉ tiêu chỉ tiêu "Số thuế hoàn trả vào tài khoản NNT" tại tờ khai QTT. Vì vậy nếu **NNT nộp hồ sơ hoàn thuế có gửi file dữ liệu thì bộ phận một cửa phải xác nhận file dữ liệu**. Trường hợp NNT gửi file dữ liệu bằng USB thì phải truyền lên tncnonline.com.vn và xác nhận file dữ liệu hoặc lưu trữ file bằng copy to.

Theo quy định trường hợp TCTTN, cá nhân gửi hồ sơ QTT, cấp MST NPT bao gồm: file dữ liệu và hồ sơ bản giấy thì **file dữ liệu phải gửi đến trước hoặc đồng thời với hồ sơ bản giấy**. Cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính hợp pháp, đúng thủ tục của hồ sơ, thực hiện thủ tục đăng ký văn bản đến, ghi sổ hồ sơ. Bộ phận tiếp nhận hồ sơ khi tiếp nhận kiểm tra và xác định các thông tin về các hình thức gửi file của người nộp thuế trên bìa tệp phân loại hồ sơ theo 3 nhóm:

- Hồ sơ giấy và file dữ liệu được gửi qua mạng

- Hồ sơ giấy và file dữ liệu được ghi trong USB.

- Hồ sơ giấy không kèm file dữ liệu

Lưu ý: để tránh CQT phải nhập dữ liệu nhiều, giảm sai sót số liệu cho CQT và NNT, Bộ phận tiếp nhận hồ sơ QTT thuộc Phòng/Đội Tuyên truyền hỗ trợ người nộp thuế hướng dẫn NNT gửi hồ sơ QTT bao gồm: file dữ liệu và hồ sơ bản giấy (hồ sơ QTT bản giấy trường hợp này phải có trang bìa tệp), hồ sơ cấp MST NPT bản giấy, trường hợp không thể sử dụng phần mềm hỗ trợ QTT mới gửi hồ sơ QTT, hồ sơ cấp MST NPT bản giấy không kèm file dữ liệu.

1. Tiếp nhận hồ sơ quyết toán thuế TNCN, cấp MST NPT nộp tại Bộ phận : "một cửa":

Bố trí tiếp nhận hồ sơ QTT TNCN nộp trực tiếp tại Cục Thuế tại Bộ phận tiếp nhận thủ tục hành chính thuế: G23 – G24 Thành Công, Đối với Chi cục Thuế là Bộ phận một cửa. Phòng/Đội Tuyên truyền hỗ trợ người nộp thuế xây dựng phương án để sắp xếp nhân lực, phân công nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng cho từng cán bộ, điều hành tiếp nhận hồ sơ quyết toán thuế TNCN, cấp MST NPT đảm bảo không để ùn tắc, kể cả trường hợp số người nộp hồ sơ tăng đột biến.

Đặc biệt lưu ý bố trí nhân lực tiếp nhận hồ sơ vào những ngày từ 16/3 đến 31/3/2015 là những ngày cuối thời hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế, phải tăng cường nhân lực, bố trí bàn tiếp

nhận, máy tính, phương tiện đủ đáp ứng yêu cầu tiếp nhận; tổ chức tiếp nhận cả những ngày nghỉ thứ 7, chủ nhật trong thời gian cao điểm này và thông báo việc tiếp nhận hồ sơ những ngày thứ 7, chủ nhật tại bộ phận tiếp nhận để NNT biết. Trường hợp số lượng người nộp hồ sơ QTT vào cuối thời hạn nhiều, Phòng/Đội Tuyên truyền hỗ trợ người nộp thuế báo cáo Lãnh đạo Cục Thuế, Chi cục Thuế để huy động cán bộ cán bộ Phòng/Đội Kê khai kế toán thuế và phân công lịch trực tiếp nhận hồ sơ, điều hành việc tiếp nhận hồ sơ QTT hàng ngày. Thực hiện kiểm tra, đối chiếu nhanh giữa file dữ liệu và QTT, cấp MST NPT bản giấy những tiêu thức bắt buộc phải kiểm tra. Về số liệu chỉ kiểm tra các số liệu tổng cộng; trường hợp có quá đông NNT nộp hồ sơ thì tạm thời cứ tiếp nhận, ghi số điện thoại liên hệ để đối chiếu, xác nhận sau và đề nghị NNT đến điều chỉnh nếu có sai sót.

Xử lý đối với từng nhóm hồ sơ:

- Đối với nhóm hồ sơ hồ sơ giấy và file dữ liệu được chứa trong USB: ghi hồ sơ và tải file dữ liệu vào phần mềm Hỗ trợ kiểm tra QTT TNCN thực hiện đối chiếu thông tin và kiểm tra file trước khi tải lên trang http://tncnonline,com.vn và thực hiện phê duyệt file vào hệ thống ứng dụng ngành.

- Đối với nhóm hồ sơ giấy và file dữ liệu được gửi qua mạng: đối chiếu dữ liệu giữa file dữ liệu và tờ khai giấy nếu không có sai sót, thực hiện xác nhận file dữ liệu, file sẽ có trạng thái 'Đã phê duyệt'. Nếu phát hiện thông tin có sai lệch giữa file dữ liệu và hồ sơ giấy thực hiện từ chối nhận file dữ liệu, file sẽ có trạng thái " từ chối ".

Sau khi thực hiện đối chiếu xác nhận file dữ liệu đối với 2 nhóm hồ sơ trên Phòng/Đội Tuyên truyền hỗ trợ người nộp thuế bàn giao hồ sơ QTT về các Phòng/Đội Kiểm tra thuế, Đội thuế liên xã phường, Phòng Thuế TNCN quản lý trực tiếp TCTTN, cá nhân theo quy định nơi nộp hồ sơ QTT (đối với hồ sơ cấp MST NPT bàn giao về Phòng/đội Kê khai kế toán thuế). Trường hợp Phòng/Đội Kê khai Kế toán thuế tiếp nhận hồ sơ gửi qua đường bưu điện do Phòng/Bộ phận Hành chính lưu trữ chuyển đến cũng bàn giao như trên.

Đối với nhóm hồ sơ quyết toán thuế chỉ gửi bản giấy không có file dữ liệu thì Phòng/Đội Tuyên truyền hỗ trợ người nộp thuế bàn giao Phòng/Đội Kê khai kế toán thuế để thực hiện ghi hồ sơ và nhập đầy đủ thông tin của bộ hồ sơ vào hệ thống ứng dụng ngành. Sau đó Phòng/Đội Kê khai kế toán thuế bàn giao hồ sơ cho các phòng/Đội Kiểm tra thuế, Đội thuế liên xã phường, Phòng Thuế TNCN trực tiếp quản lý CQCTTN, cá nhân theo quy định nơi nộp hồ sơ QTT, hồ sơ cấp MST NPT Phòng/Đội Kê khai kế toán thuế lưu.

2. Đối với hồ sơ QTT, cấp MST NPT gửi qua đường bưu điện:

Phòng/Bộ phận Hành chính lưu trữ thực hiện thủ tục đăng ký văn bản đến , ghi sổ, lưu ý ghi cả các tài liệu kèm theo hồ sơ bản giấy (USB...), bàn giao cho Phòng/Đội Kê khai kế toán thuế để phân loại xử lý hồ sơ theo quy định, sau khi tải file dữ liệu, xác nhận file dữ liệu hoặc nhập dữ liệu đối với hồ sơ chỉ gửi bản giấy, Phòng/Đội Kê khai kế toán thuế bàn giao hồ sơ cho các phòng/Đội Kiểm tra thuế, Đội thuế liên xã phường, Phòng Thuế TNCN, hồ sơ cấp MST NPT Phòng/Đội Kê khai kế toán lưu.

VIII. Chuyển file dữ liệu từ cơ quan thuế lên trục truyền tin:

Phòng/Bộ phận Tin học gửi file dữ liệu lên trang tncnonline.com.tct.vn

IX. Xử lý file dữ liệu bị lỗi:

Bộ phận tiếp nhận hồ sơ QTT Phòng/Đội Tuyên truyền hỗ trợ người nộp thuế khi tiếp nhận hồ sơ QTT có các file dữ liệu bị lỗi yêu cầu tổ chức, cá nhân gửi lại file dữ liệu chuẩn **(xml)** mới tiếp nhận hồ sơ QTT bản giấy. Nếu NNT thông báo không có khả năng gửi lại file dữ liệu thì bàn giao cho Phòng/Đội Kê khai kế toán thuế nhập dữ liệu, trường hợp này xem như là chỉ gửi hồ sơ giấy.

Trường hợp file dữ liệu lỗi (mà file dữ liệu gửi qua mạng hoặc đường bưu điện, hồ sơ giấy gửi qua đường bưu điện) Phòng/Đội Kê khai kế toán thuế thông báo các Phòng/Đội Kiểm tra thuế, Đội thuế liên xã phường, Phòng Thuế TNCN đôn đốc NNT gửi lại file dữ liệu). Trường hợp NNT không gửi lại file dữ liệu thì Phòng/Đội Kê khai kế toán nhập dữ liệu.

Phòng/Bộ phận Tin học chuyển toàn bộ file dữ liệu quyết toán thuế bị lỗi cho các Phòng/Đội Kiểm tra thuế, Đội thuế liên xã phường, Phòng Thuế TNCN để đôn đốc tổ chức, cá nhân gửi lại file chuẩn.

X. Đôn đốc nộp hồ sơ QTT, thông báo lập điều chỉnh QTT, cấp MST NPT:

Các Phòng/Đội Kiểm tra thuế, Đội thuế liên xã phường, Phòng thuế TNCN căn cứ vào tổ chức, cá nhân phải QTT do Phòng/Đội quản lý, tổ chức, cá nhân đã nộp hồ sơ QTT đôn đốc nộp hồ sơ QTT kịp thời. Đồng thời kiểm tra hồ sơ QTT thông báo NTT lập hồ sơ quyết toán thuế, cấp MST NPT điều chỉnh nếu có sai sót.

Phần III: Tổ chức thực hiện, chế độ báo cáo:

Việc triển khai từ đầu năm và thời hạn nộp hồ sơ chậm nhất là ngày 31/3/2015, lưu ý các Phòng/Đội Kiểm tra thuế, Đội thuế liên xã phường, Phòng Thuế TNCN đôn đốc các tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ quyết toán thuế TNCN, cấp MST NPT sớm, tránh để dồn vào cuối thời hạn mới nộp hồ sơ, gây áp lực nộp, tiếp nhận hồ sơ của cả NNT và CQT. Các trường hợp nộp hồ sơ quyết toán chậm phải xử phạt nộp chậm hồ sơ khai thuế theo quy định, trừ trường hợp cá nhân nộp hồ sơ QTT để hoàn thuế.

Các phòng, Các Chi cục Thuế triển khai thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các nội dung và nhiệm vụ được phân công thực hiện QTT TNCN, cấp MST NPT của Cục Thuế, phân công trách nhiệm cụ thể cho từng Đội/Bộ phận, cán bộ, huy động đủ nguồn nhân lực, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc thực hiện. Tùy theo mô hình tổ chức của Chi cục Thuế mà phân công nhiệm vụ và bàn giao hồ sơ QTT TNCN cho các Đội thuế, các bộ phận cho phù hợp.

Các phòng Kiểm tra thuế, TNCN các Chi cục Thuế phân công, giao tiến độ đôn đốc hoàn thành QTT TNCN đến từng Đội, bộ phận, cán bộ; mỗi Đội, bộ phận cán bộ phụ trách cụ thể bao nhiêu tổ chức, cá nhân nộp thuế, kiểm tra, đôn đốc thường xuyên để đảm bảo thực hiện đúng tiến độ.

Các Chi cục Thuế, các Phòng Kiểm tra thuế, TNCN báo cáo tiến độ, kết quả triển khai định kỳ vào thứ 5 hàng tuần tình hình triển khai và kết quả thực hiện theo Phụ lục II, Phụ Lục IV đính kèm, những ngày cuối tháng 3 báo cáo hàng ngày.

Phòng/Đội Kê khai kế toán thuế trong tháng 2 đến 10/3/2015 báo cáo nhanh 2 ngày một lần và thứ 5 hàng tuần, từ 11/3 đến 5/4/2015 báo cáo nhanh hàng ngày số tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ QTT khai thuế điện tử và hồ sơ QTT gửi qua đường bưu điện theo Phụ lục III đính kèm công văn này, gửi hòm thư Phòng/Bộ phận Thuế TNCN.

Phòng/Đội Tuyên truyền hỗ trợ người nộp thuế trong tháng 2 đến 10/3/2015 báo cáo nhanh 2 ngày một lần và thứ 5 hàng tuần, từ 11/3 đến 5/4/2015 báo cáo nhanh hàng ngày số tổ chức, cá nhân đã nộp hồ sơ QTT tại bộ phận một cửa theo Phụ lục III đính kèm công văn này, gửi hòm thư Phòng/Bộ phận Thuế TNCN.

Các báo trên gửi về Cục Thuế (Phòng thuế TNCN) bằng thư điện tử theo địa chỉ ptncn.han@gdt.gov.vn.

Trong quá trình thực hiện có vướng mắc phản ánh về Cục Thuế để được hướng dẫn, giải quyết./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lãnh đạo Cục Thuế;

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG
Nguyễn Văn Hổ

- Phòng TTHT (bộ phận một cửa);
- Ban biên tập trang web Cục Thuế;
- Lưu VT, TNCN(2b).

PHỤ LỤC I

HƯỚNG DẪN BỔ SUNG MỘT SỐ NỘI DUNG QUY TRÌNH VÀ HỖ TRỢ CNTT ĐỂ CẤP MST CHO NPT THEO HỒ SƠ QTT TNCN NĂM 2014

(Ban hành kèm theo công văn số 7850/CT-TNCN ngày 02 tháng 03 năm 2015 của Cục Thuế)

Phần A

THU THẬP THÔNG TIN VỀ NGƯỜI PHỤ THUỘC TẠI TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRẢ THU NHẬP.

Bước 1: Thu thập thông tin NPT

Căn cứ vào hồ sơ chứng minh NPT hoặc thông tin trên mẫu 16/ĐK-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính (nếu có), TCTTN thu thập thông tin của NPT khai vào Phụ lục 05-3/BK-TNCN. Trường hợp NPT không có đầy đủ thông tin theo các quy định tại Phụ lục 05-3/BK-TNCN, TCTTN hướng dẫn NNT bổ sung các thông tin còn thiếu để làm căn cứ cấp MST cho NPT.

Bước 2: Nhập thông tin NPT

1.Trường hợp TCTTN dùng một trong các phần mềm hỗ trợ kê khai (QT TNCN, HTKK, iHTKK) thì thực hiện như sau:

a) Cài đặt ứng dụng:

- TCTTN truy cập trang web: http://www.gdt.gov.vn, hoặc http://www.tncnonline.com.vn hoặc liên hệ trực tiếp với CQT quản lý trực tiếp để tải Ứng dụng (QTT TNCN, HTKK, iHTKK) và tài liệu hướng dẫn cài đặt, sử dụng Ứng dụng.

- Trường hợp có vướng mắc trong việc cài đặt, sử dụng Ứng dụng, TCTTN liên hệ với bộ phận Tin học hoặc bộ phận tuyên truyền hỗ trợ của CQT quản lý trực tiếp để được hướng dẫn cụ thể.

b) Nhập thông tin NPT

- Nhập thông tin theo quy định về NPT:

+ TCTTN thực hiện **khai đầy đủ (100%) số lượng NPT đã tính giảm trừ trong năm 2014 vào Phụ lục 05-3/BK-TNCN**.

+ Trường hợp TCTTN có **yêu cầu được cấp MST NPT trước khi nộp hồ sơ QTT TNCN năm 2014**, nếu đã khai thông tin NPT vào Phụ lục 05-3/BK-TNCN thì có thể sử dụng chức năng **"Tải dữ liệu từ Bảng kê 05-3/BK-TNCN trên tờ khai 05/KK-TNCN" tại màn hình chức năng 16/TH** để lấy dữ liệu gửi đến CQT đối với những NPT đã có đầy đủ thông tin; nếu chưa khai thông tin NPT vào Phụ lục 05-3/BK-TNCN thì có thể gửi thông tin về NPT đến CQT theo Bảng tổng hợp đăng ký NPT giảm trừ gia cảnh (mẫu 16/TH) được hỗ trợ bởi các ứng dụng HTKK, ứng dụng iHTKK và phần mềm QTT TNCN của Tổng cục Thuế cung cấp năm 2015.

+ Trường hợp TCTTN đã được cấp MST cho NPT theo hình thức gửi trước thông tin (không gửi cùng hồ sơ QTT TNCN năm 2014) thì khi gửi hồ sơ QTT TNCN năm 2014, để đảm bảo khai đầy đủ (100%) số lượng NPT đã tính giảm trừ trong năm, TCTTN **không phải khai lại thông tin vào Phụ lục 05-3/BK-TNCN những người phụ thuộc đã được cấp MST do gửi trước mà chỉ khai thông tin của những người phụ thuộc chưa được cấp MST**.

- Sau khi hoàn tất việc nhập liệu, TCTTN thực hiện **in, kết xuất dữ liệu Bảng tổng hợp đăng ký người phụ thuộc giảm trừ gia cảnh mẫu 16/TH** hoặc **bộ tờ khai quyết toán thuế TNCN 05/KK-TNCN gửi đến CQT quản lý trực tiếp**.

+ Đối với các TCTTN sử dụng phần mềm HTKK, QTT TNCN sẽ in ra hồ sơ giấy theo quy định **và ký, đóng dấu**.

+ Đối với các TCTTN nộp hồ sơ khai thuế điện tử qua iHTKK: không cần in hồ sơ.

2. Trường hợp TCTTN không có khả năng sử dụng phần mềm để kê khai sẽ thực hiện như sau:

- TCTTN tải mẫu tờ khai QTT TNCN 05/KK-TNCN và mẫu phụ lục bảng kê thông tin NPT giảm trừ gia cảnh (05-3/BK-TNCN) tại trang điện tử http://www.gdt.gov.vn để in mẫu biểu kê khai hoặc liên hệ trực tiếp với CQT quản lý trực tiếp để lấy mẫu biểu kê khai.

- TCTTN kê khai đầy đủ và chính xác các chỉ tiêu trên mẫu biểu theo đúng hướng đẫn của CQT ban hành.

Lưu ý:

- Trong quá trình nhập liệu, trường hợp số chứng minh nhân dân/số hộ chiếu hoặc thông tin trên giấy khai sinh của một số NPT của người lao động trùng nhau và bị Ứng dụng từ chối cho nhập, thì TCTTN cần liên hệ với NNT để kiểm tra và điều chỉnh ngay.

- Trường hợp thông tin NPT chỉ có năm sinh nhưng không có ngày, tháng thì lấy ngày 01 tháng 01 nhập vào chỉ tiêu "Ngày sinh" (01/01/năm sinh) của Ứng dụng.

- NPT đã có MST thì nhập cột MST, NPT từ đủ 14 tuổi trở lên thì nhập cột chứng minh nhân dân (người nước ngoài nhập hộ chiếu) , NPT chưa có MST hoặc dưới tuổi trên thì nhập các chỉ tiêu trên giấy khai sinh

- Chỉ tiêu quốc tịch người Viêt Nam mặc định là "Việt Nam", người nước ngoài chọn "Khác", chỉ tiêu quốc gia nhập tương tự

Bước 3: Gửi thông tin NPT đến CQT:

1. Đối với các TCTTN sử dụng Ứng dụng:

Sau khi hoàn tất việc thu thập thông tin NPT, TCTTN thực hiện theo các bước sau:

Gửi file dữ liệu và hồ sơ giấy đến CQT: Có 3 hình thức gửi

- TCTTN khai thuế điện tử: gửi file dữ liệu lên website: www.kekhaithue.gov.vn (không phải nộp hồ sơ giấy do đã sử dụng chữ ký số nên đảm bảo tính pháp lý khi gửi tờ khai)

- Đối với các TCTTN chưa thực hiện khai thuế điện tử

+ Kết xuất file dữ liệu gửi lên trang: tncnonline.com.vn, gửi bản giấy đến "Bộ phận một cửa" CQT quản lý trực tiếp như gửi hồ sơ QTT TNCN.

+ hoặc gửi trực tiếp cả bản giấy và file dữ liệu (USB) tại " bộ phận một cửa" CQT quản lý trực tiếp như gửi hồ sơ QTT TNCN

Cách thức gửi file dữ liệu qua đường internet thực hiện như sau:

+ Truy cập vào Website: http://www.tncnonline.com.vn

+ Nhập các thông tin yêu cầu như: MST của TCTTN, số Giấy phép đăng ký kinh doanh, ...

+ Gửi file dữ liệu lên Website.

Lưu ý:

TCTTN kết xuất dữ liệu file Excel để lưu tai TCTTN**, kết xuất dữ liệu file XML để gửi CQT quản lý trực tiếp**

Để tránh sai sót trong quá trình chuyển dữ liệu tới CQT, USB chỉ chứa các file dữ liệu được kết xuất từ Ứng dụng.

- Đối với các TCTTN không sử dụng Ứng dụng:

Sau khi hoàn tất việc thu thập thông tin NPT, TCTTN tiến hành gửi hồ sơ giấy đến CQT quản lý trực tiếp

Bước 4: Nhận kết quả cấp MST cho NPT

CQT sẽ trả kết quả cấp MST NPT cho TCCT dưới dạng Phụ lục excel tại nơi mà TCTTN gửi file dữ liệu đăng ký giảm trừ gia cảnh (http://tncnonline,com.vn hoặc http://nhantokhai.gdt.gov.vn) với đầy đủ thông tin đã đăng ký và kèm theo thông tin MST NPT đối với trường hợp cấp thành công và mô tả chi tiết lỗi đối với trường hợp cấp mã không thành công.

Bước 5: Điều chỉnh thông tin kê khai sai

- Căn cứ vào kết quả phản hồi nhận được từ CQT, trường hợp cấp MST không thành công TCTTN yêu cầu người lao động bổ sung thông tin và thực hiện theo hướng dẫn sau tương ứng với từng trường hợp:

+ Lỗi do thông tin kê khai sai: TCTTN kê khai điều chỉnh bổ sung thông tin.

++ Thiếu thông tin bắt buộc để đăng ký NPT

++ Thông tin về địa bàn phường/xã, quận/huyện/, tỉnh/thành phố không phù hợp với hiện hành.

++ Thông tin về MST của cơ quan chi trả, MST NPT không hợp lệ.

+ Lỗi trùng thông tin chứng minh nhân dân/giấy khai sinh của NPT: TCTTN thông báo với người lao động thực hiện việc xác minh, điều chỉnh thông tin CMND/ Giấy khai sinh như nội dung hướng dẫn của Tổng cục Thuế đối với các trường hợp người lao động trùng CMND trước đây và khai nộp lại với CQT quản lý trực tiếp (gồm danh sách trùng và phô tô chứng minh nhân dân hoặc giấy khai sinh).

+ Trùng thời gian giảm trừ NPT: TCTTN hướng dẫn NNT thực hiện đăng ký kết thúc giảm trừ gia cảnh của lần đăng ký trước đó hoặc điều chỉnh thời gian giảm trừ của lần đăng ký hiện tại.

- TCTTN thực hiện khai bổ sung theo nguyên tắc sau:

+ Trường hợp thay đổi thông tin/bổ sung thêm mới NPT mà không làm sai sót dữ liệu đã kê khai trên tờ khai 05/KK-TNCN và các Phụ lục khác kèm theo tờ khai QTT thì TCTTN **chỉ cần khai Bảng tổng hợp đăng ký giảm trừ NPT mẫu 16/TH cho các trường hợp cần thay đổi/bổ sung NPT**.

+ Trường hợp thay đổi thông tin/bổ sung thêm mới NPT có làm sai sót dữ liệu đã kê khai trên tờ khai 05/KK-TNCN và các Phụ lục khác kèm theo tờ khai thì TCTTN thực hiện kê khai như sau:

+ Khai bổ sung tờ khai QTT 05/KK-TNCN kèm theo các Phụ lục cần điều chỉnh (trừ Phụ lục 05-3/BK-TNCN).

+ Khai thông tin thay đổi/bổ sung về NPT vào Bảng tổng hợp đăng ký giảm trừ NPT mẫu 16/TH .

Lưu ý: Đối với trường hợp thay đổi thông tin về NPT:

- Đối với trường hợp thay đổi các thông tin về NNT đăng ký giảm trừ gia cảnh, mối quan hệ với NNT, thời gian giảm trừ từ tháng, đến tháng thì TCTTN sử dụng mẫu 16/TH để kê khai.

- Đối với trường hợp **thay đổi các thông tin liên quan đến cấp MST** (bao gồm CMND và các thông tin trên giấy khai sinh) thì TCTTN sẽ **tập hợp mẫu 16/ĐK-TNCN của cá nhân nộp cho CQT quản lý trực tiếp** (khi đó CQT thực hiện cập nhật thông tin thay đổi của từng NPT trên ứng dụng PIT/TMS).

Lưu ý: Đối với những NPT phát sinh mới từ ngày 01/01/2015 trở đi

Đối với những NPT phát sinh mới từ ngày 01/01/2015 trở đi TCTTN sử dụng mẫu 16/TH để kê khai, tuy nhiên sẽ thực hiện sau thời hạn QTT TNCN năm 2014.

Phần B
THỰC HIỆN CẤP MST CHO NPT TẠI CƠ QUAN THUẾ

I. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ:

1. Hướng dẫn lập hồ sơ:

- Thông tin cấp MST NPT căn cứ vào các thông tin về NPT theo Phụ lục 05-3/BK-TNCN gửi kèm bộ hồ sơ quyết toán thuế.

- Để kịp thời cho việc cấp MST NPT với số lượng lớn, CQT hướng dẫn TCTTN thu nhập thông tin người phụ thuộc theo mẫu 05-3/BK-TNCN trước thời hạn QTT TNCN năm 2014, khai vào Bảng tổng hợp đăng ký NPT giảm trừ gia cảnh (mẫu 16/TH) được hỗ trợ bởi các ứng dụng HTKK, ứng dụng iHTKK và phần mềm QTT TNCN của Tổng cục Thuế phát hành năm 2015.

2. Tiếp nhận và kiểm tra thủ tục hồ sơ

Bước 1. Tiếp nhận và kiểm tra thủ tục hồ sơ ĐKT NPT:

Việc tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ đăng ký MST NPT thực hiện theo Quy trình quản lý đăng ký thuế ban hành kèm theo Quyết định số 329/QĐ-TCT ngày 27/03/2014 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế.

CQT thực hiện tiếp nhận hồ sơ đăng ký NPT của NNT (bao gồm cá nhân và TCTTN) tương tự như hướng dẫn tại khoản 3 Điều I Chương II của Quy trình quản lý đăng ký thuế:

NNT có thể gửi hồ sơ đăng ký NPT đến CQT theo 3 đường:

(1) Gửi Hồ sơ khai thuế điện tử gửi qua hệ thống giao dịch điện tử (không kèm theo bản hồ sơ giấy).

Việc tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ ĐKT được thực hiện theo các quy định về giao dịch điện tử.

(2) Gửi trực tiếp hồ sơ giấy đăng ký NPT đã ký, đóng dấu đến CQT và tải file mềm kết xuất hồ sơ gửi lên trang: tncnonline.com.vn (Hồ sơ đăng ký qua TCTTN): bao gồm nhóm hồ sơ (mẫu 16/TH) Bảng tổng hợp đăng ký giảm trừ NPT và nhóm hồ sơ mẫu 05-3/BK-TNCN kèm theo tờ khai 05/KK-TNCN quyết toán thuế TNCN năm 2014, Cán bộ thuế thực hiện phân loại với từng nhóm loại sơ này như sau:

+ Hồ sơ giấy và tệp dữ liệu trong USB.

+ Hồ sơ giấy và tệp dữ liệu gửi lên trang tncnonline.com.vn.

(3) Gửi trực tiếp hồ sơ giấy trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đăng ký NPT đến CQT:

Thực hiện tương tự các bước công việc như quy định tại điểm 3.1 và 3.2 tại khoản 3 Điều I Chương II của Quy trình quản lý đăng ký thuế.

Bước 2: Ghi sổ hồ sơ vào hệ thống quản lý thuế TNCN (PIT)/hệ thống quản lý thuế tập trung (TMS):

(1) Đối với các hồ sơ giấy NNT nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu chính tại CQT, cán bộ thuế sẽ thực hiện ghi sổ hồ sơ như sau:

- Các tỉnh triển khai TMS: ghi sổ hồ sơ nhận vào ứng dụng TMS.

- Các tỉnh chưa triển khai TMS: ghi sổ hồ sơ nhận vào ứng dụng QHS.

(2) Đối với các hồ sơ nộp thuế điện tử tự động chuyển vào hệ thống PIT/hệ thống TMS và ghi sổ nhận hồ sơ như sau:

- Các tỉnh triển khai TMS: Hệ thống TMS tự động ghi sổ hồ sơ.

- Các tỉnh chưa triển khai TMS: ghi sổ hồ sơ vào hệ thống QHS tương tự như đối với các tờ khai QT TNCN.

II. CẤP MÃ SỐ THUẾ NGƯỜI PHỤ THUỘC:

Thực hiện như nội dung công việc như quy định tại Điều II Chương II của Quy trình quản lý đăng ký thuế, sau khi tiếp nhận hồ sơ ĐKT NPT từ các bộ phận liên quan, bộ phận ĐKT thực hiện như sau:

1. Xử lý hồ sơ và tệp dữ liệu

Đối với hồ sơ đăng ký NPT gửi qua TCTTN theo mẫu Bảng tổng hợp đăng ký giảm trừ NPT mẫu 16/TH hoặc Phụ lục 05-3/BK-TNCN kèm theo tờ khai QTT 05/KK-TNCN thì CQT thực hiện như xử lý hồ sơ quyết toán thuế TNCN như sau:

- Trường hợp Hồ sơ giấy có file đã được tải lên trang http://tncnonline,com.vn, Cán bộ thuế thực hiện ghi hồ sơ và kiểm tra thông tin giữa hồ sơ giấy và file dữ liệu trước khi phê duyệt file vào hệ thống ứng dụng.

- Trường hợp Hồ sơ giấy có file mềm gửi kèm trong USB, Cán bộ thuế thực hiện ghi hồ sơ và tải file dữ liệu vào phần mềm Hỗ trợ kiểm tra QT TNCN thực hiện đối chiếu thông tin và kiểm tra file trước khi tải lên trang http://tncnonline,com.vn và thực hiện phê duyệt file vào hệ thống ứng dụng ngành.

- Trường hợp Hồ sơ giấy không có file mềm gửi kèm, Cán bộ thuế thực hiện ghi hồ sơ và nhập đầy đủ thông tin của bộ hồ sơ vào hệ thống ứng dụng ngành (Phòng/Đội Kê khai kế toán thuế nhập).

Lưu ý: trường hợp cá nhân khai thuế trực tiếp (nộp hồ sơ tại Cục Thuế), cá nhân có thu nhập vãng lai (khấu trừ thuế 10%) không thuộc TCTTN nào (nộp hồ sơ tại Chi cục Thuế nơi cư trú) gửi Đăng ký NPT giảm trừ gia cảnh mẫu 16/ĐK-TNCN thì ghi sổ hồ sơ và nhập đầy đủ thông tin của bộ hồ sơ vào hệ thống ứng dụng ngành.

2. Nhập hồ sơ NPT vào PIT/TMS

Sau khi ghi sổ nhận hồ sơ, đối với hồ sơ nộp trực tiếp tại CQT thì Cán bộ thuế tiếp tục thực hiện nhập vào ứng dụng PIT/TMS để thực hiện hiện cấp mã NPT và lưu trữ thông tin.

3. Hệ thống PIT/TMS tự động cấp mã NPT và trả kết quả.

a. Hệ thống tự động cấp mã NPT:

Theo thông tin đăng ký trên các mẫu 16/ĐK-TNCN, Bảng tổng hợp đăng ký giảm trừ NPT, Phụ lục 05-3/BK-TNCN theo nguyên tắc cấp MST cho NPT.

b) Hệ thống chuyển kết quả cấp mã lên trang web tncnonline, trang kê khai thuế điện tử:

Sau khi thực hiện cấp MST NPT, hệ thống PIT/TMS thực hiện trả kết quả cấp mã về đúng nơi nhận hồ sơ:

- Đối với hồ sơ nhận từ trang http://tncnonline,com.vn thì kết quả cấp mã được trả về http://tncnonline,com.vn.

- Đối với hồ sơ nhận từ trang kê khai qua mạng http://nhantokhai.gdt.gov.vn thì kết quả cấp mã được trả về trang kê khai qua mạng.

- Đối với hồ sơ mẫu 16/ĐK-TNCN nộp trực tiếp tại CQT thì Cán bộ thuế có thể tra cứu kết quả trên chức năng tra cứu mã số thuế NPT.

4. Tra cứu, phản hồi kết quả và hướng dẫn NNT xử lý lỗi (nếu có)

a. Đối với trường hợp NNT nộp hồ sơ giấy trực tiếp, CQT thực hiện:

- Đối với NNT có gửi file mềm Bảng tổng hợp đăng ký giảm trừ NPT, Phụ lục 05-3/BK-TNCN, CQT hướng dẫn NNT thực hiện tra cứu kết quả cấp mã NPT trên trang http://tncnonline,com.vn.

- Đối với NNT không gửi file mềm, CQT sử dụng chức năng in thông báo mẫu 16-1/TB-MST từ hệ thống PIT/TMS để gửi cho NNT (Phòng/Đội Kê khai kế toán thuế)

b. Đối với trường hợp kết quả cấp mã NPT của NNT có lỗi, CQT theo dõi kết quả cấp mã NPT và hướng dẫn NNT xử lý lỗi, như sau:

- Lỗi do thông tin kê khai sai: Cán bộ thuế hướng dẫn NNT kê khai điều chỉnh bổ sung thông tin.

+ Thiếu thông tin bắt buộc để đăng ký NPT.

+ Thông tin về địa bàn phường/xã, quận/huyện/, tỉnh/thành phố không phù hợp với hiện hành.

+ Thông tin về MST của TCTTN (sai MST, Trạng thái MST không phù như đã giải thể, bỏ trốn v.v…), MST NPT không hợp lệ (trùng với MST cá nhân của NNT đang hoạt động, trùng với MST cá nhân đã đóng do chết, mất tích v.v…).

- Lỗi trùng thông tin CMND/giấy khai sinh của NPT: CQT thông báo với NNT thực hiện việc xác minh, điều chỉnh thông tin CMND/ Giấy khai sinh như nội dung hướng dẫn của Tổng cục Thuế đối với các trường hợp người lao động trùng CMND trước đây và thực hiện xử lý các trường hợp trùng theo các hướng dẫn hiện hành như đối với lỗi trùng thông tin của NNT.

- Trùng thời gian giảm trừ NPT: CQT hướng dẫn NNT thực hiện đăng ký kết thúc giảm trừ gia cảnh của lần đăng ký trước đó hoặc điều chỉnh thời gian giảm trừ của lần đăng ký hiện tại v.v…

CỤC THUẾ TP HÀ NỘI
CHI CỤC THUẾ, PHÒNG kIỂM TRA THUẾ SỐ....., TNCN

Phụ lục số II

BÁO CÁO KẾT QUẢ QUYẾT TOÁN THUẾ TNCN NĂM 2014 (báo cáo vào thứ 5 hàng tuần)

Phần tổng hợp chung						Số thuế theo tờ khai quyết toán				Ghi chú
STT	**Chỉ tiêu**	**Số tổ chức, cá nhân quản lý**	**Số tổ chức, cá nhân phải quyết toán thuế**	**Số hồ sơ quyết toán thuế (file) đã duyệt**	**% số tờ khai QTT (file) đã duyệt trên số phải QTT**	**Tổng Số thuế phải nộp trong năm (ĐV tính 1000đ)**	**Số thuế đã nộp, đã khấu trừ trong năm (ĐV tính 1000đ)**	**Tổng Số thuế còn phải nộp sau QTT (ĐV tính 1000đ)**	**Số thuế đã nộp sau QTT (ĐV tính 1000đ)**	
I	**Tổ chức trả thu nhập từ tiền lương tiền công**									
II	**Tổ chức trả thu nhập từ:** **đầu tư vốn, chuyển nhượng chứng khoán - cơ sở giao đại lý bảo hiểm, xổ số.**									
III	**CÁ NHÂN QTT trực tiếp tại cơ quan thuế.** **TỔNG CỘNG: (1 + 2+3)**									
1	Cá nhân có thu nhập từ TLTC									
2	hộ, cá nhân kinh doanh (gồm cả cá nhân vừa có thu nhập từ KD vừa có thu nhập từ TLTC)									
3	Cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán									

HƯỚNG DẪN LẬP BÁO CÁO KẾT QUẢ QUYẾT TOÁN THUẾ TNCN (QTT) NĂM 2013

Để việc lập báo cáo kết quả QTT TNCN năm 2014 được thống nhất, các đơn vị thực hiện cách lấy số liệu lập báo cáo như sau:

+ Cột số tổ chức (TC), cá nhân quản lý: lấy số liệu trên ứng dụng trạng thái 00, 04 đến 31.12.2014.

+ Cột số TC, cá nhân phải QTT:

- Tổ chức phải quyết toán: lấy số liệu số tổ chức quản lý trừ đi TC không phải QTT theo quy định

- Cá nhân phải QTT:

.Cá nhân uỷ quyền quyết toán thay: theo số liệu bảng kê 05A/TNCN.

.Cá nhân QTT trực tiếp:

.Cá nhân có thu nhập từ TLTC: cá nhân có số thuế nộp thiếu, nộp thừa có yêu cầu hoàn thuế

Hộ, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp kê khai có số thuế nộp thiếu, nộp thừa có yêu cầu hoàn thuế hoặc bù trừ số thuế phải nộp kỳ sau.

.Cá nhân chuyển nhượng chứng khoán QTT có yêu cầu QTT theo thuế suất 20%.

+ Cột Tổng số thuế phải nộp trong năm:

- Đối với tổ chức :

. Đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công: = chỉ tiêu 35 trên tờ khai 05/KK-TNCN + (Chỉ tiêu 46 - chỉ tiêu 47 trên tờ khai 05/KK-TNCN)

. Đối với thu nhập từ đầu tư vốn ...: = Tổng các chỉ tiêu 22 + 24 + 26 + 28 + 31= 33 trên tờ khai 06/KK-TNCN

- Đối với cá nhân trực tiếp QTT với cơ quan thuế: chỉ tiêu 34 trên tờ khai 09/KK-TNCN, chỉ tiêu 26 trên tờ khai 13/KK-TNCN.

+ Cột số thuế đã nộp, đã khấu trừ, được giảm trong năm:

- Đối với tổ chức: theo số liệu đã nộp thuế trên Ứng dụng PIT

- Đối với cá nhân: chỉ tiêu 33 + 39 trên tờ khai 09/KK-TNCN, chỉ tiêu 27 trên tờ khai 13/KK-TNCN

+ Cột số thuế còn phải nộp sau QTT: Tổng số thuế phải nộp trong năm trừ số thuế đã nộp, đã khấu trừ trong năm

+ Cột số thuế đã nộp sau QTT lấy trên ứng dụng TMS

Lưu ý:

+ Các cột khác đối với cá nhân căn cứ vào file đã gửi, đã duyệt để tra cứu điền thông tin, có thể tham khảo số liệu từ hồ sơ giấy gửi.

+ Đối với dòng cá nhân uỷ quyền cho cơ quan chi trả quyết toán thay: tra cứu trên tờ khai 05/KK-TNCN, Số thuế phải nộp: chỉ tiêu 45, số thuế còn phải nộp: chỉ tiêu 46, số thuế nộp thừa: chỉ tiêu 47.

+ Báo cáo kết quả nhận hồ sơ (file) đối với các tổ chức khai thuế điện tử (iHTKK) hoặc sử dụng dịch vụ TVAN không phải gửi hồ sơ giấy theo kết quả gửi hồ sơ khai thuế điện tử.

Các Phòng Kiểm tra Thuế, các Chi Cục Thuế vào trang tncnonline.com.vn hoặc trang tncnonline.tct.vn dùng user đã được cấp để tra cứu thêm thông tin lập báo cáo.

CỤC THUẾ TP HÀ NỘI
PHÒNG/ĐỘI TTHTNNT, KK-KTT

Phụ lục số III

BÁO CÁO KẾT QUẢ QUYẾT TOÁN THUẾ TNCN NĂM 2014

Đến ngày… /.../2015

STT	**Tờ khai QTT**	P/Đ KTT Số 1		P/Đ KTT số 2		P/Đ KTT số 3		P KTT số 4		P KTT số 5		P KTT số 6		P TNCN		Tổng cộng	
		Trong ngày	Lũy kế	Trong ngày	Lũy kế	Trong ngày	Lũy kế	Trong ngày	Lũy kế	Trong ngày	Lũy kế	Trong ngày	Lũy kế	Trong ngày	Lũy kế	TN	LK
1	05/KK-TNCN																
2	06/KK-TNCN																
3	02/KK-BH 02/KK-XS																
4	09/KK-TNCN																
5	13/KK-TNCN																

Ghi chú:- Đối với Phòng/Đội Tuyên truyền hỗ trợ người nộp thuế số liệu báo cáo là kết quả nhận hồ sơ quyết toán thuế TNCN bộ phận một cửa

- Đối với Phòng/Đội Kê khai kế toán thuế số liệu báo cáo là kết quả nhận hồ sơ quyết toán thuế TNCN qua khai thuế điện tử và gửi qua đường bưu điện.- Đối với các Chi cục Thuế không phải gửi báo cáo theo Phụ Lục III này về Cục Thuế mà chỉ tổng hợp để theo dõi và tổng hợp báo cáo kết quả chung theo Phụ lục II gửi về Cục Thuế (Phòng Thuế TNCN)

CỤC THUẾ TP HÀ NỘI
CHI CỤC THUẾ…….

Phụ lục số IV

BÁO CÁO KẾT QUẢ CẤP MÃ SỐ THUẾ CHO NGƯỜI PHỤ THUỘC (báo cáo vào thứ 5 hàng tuần)

SỐ NPT được cấp MST	Trong tháng	Lũy kế	Ghi chú	